

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 19/02/2021

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Búp và ông Nguyễn Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên
tòa:* Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2020/TLST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-DS ngày 26/01/2021, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng N. (Sau đây gọi là Ngân hàng). Địa chỉ: Số 02, LH, phường Công T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Hải T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Số 55, đường N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh (Theo văn bản ủy quyền số: 289/NHNoMDR-UQ ngày 20/10/2020). Địa chỉ: Số 55, đường N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2/ Bị đơn: Vợ chồng ông Đặng Văn H, sinh năm 1973 và bà Lưu Thị H, sinh năm 1976. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 02, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 15/05/2019, vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H ký kết hợp đồng tín dụng số 5210LAV201900896 với Ngân hàng N chi nhánh M, tỉnh Đắk Lắk để vay số tiền 550.000.000 đồng. Mục đích vay: Chăm sóc mía, chăn nuôi bò; Thời hạn vay: 12 tháng; Ngày trả nợ gốc: 14/05/2020, tiền lãi trả theo kỳ gốc. Lãi suất trong hạn: 11%/ năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Ngày 20/12/2019, vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H ký kết hợp đồng tín dụng số 5210LAV201902518 với Ngân hàng N chi nhánh M, tỉnh Đắk Lắk để vay số tiền 40.000.000 đồng. Mục đích vay: Chăn nuôi bò; Thời hạn vay: 12 tháng; Ngày trả nợ gốc: 20/12/2020, tiền lãi trả theo kỳ gốc. Lãi suất trong hạn: 10,5 %/ năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H đã thế chấp các tài sản sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT441305 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/09/2015 cho ông Đặng Văn H và bà Lưu Thị H với diện tích 630 m²; Thửa đất số 42; Tờ bản đồ 56b; Địa chỉ đất tại thôn 6, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U017060 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/03/2002 cho hộ ông Đặng Văn H với diện tích 8.504 m²; Thửa đất số 45; 5; 12; 23; Tờ bản đồ 10; Địa chỉ đất tại xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Theo hợp đồng thế chấp số: G146/2017/BĐTV ngày 31/8/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2019).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U017078 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/03/2002 cho hộ ông Hà Đức Khéo và đã được chuyển nhượng cho ông Đặng Văn H và bà Lưu Thị H ngày 29/06/2016, với diện tích 3.085 m²; Thửa đất số 8; Tờ bản đồ 11; Địa chỉ đất tại xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA474804 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/12/2011 cho hộ ông Nguyễn Như K và bà Nguyễn Thị Đ và đã được chuyển nhượng cho ông Đặng Văn H và bà Lưu Thị H ngày 31/05/2016, với diện tích 693 m²; Thửa đất số 39-C; Tờ bản đồ 43; Địa chỉ đất tại thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Theo hợp đồng thế chấp số: H59/2018/HĐTC ngày 23/4/2018 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2019).

Đến nay, vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H chưa trả cho Ngân hàng một khoản tiền gốc nào, chỉ mới trả 25.028.767 đồng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201900896 ngày 15/05/2019 (Lãi tính đến hết ngày 12/10/2019). Do vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng trên nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày xét xử, ngày 19/02/2021 là: 655.584.932 đồng, bao gồm: 550.000.000 đồng nợ gốc, 105.584.932 đồng nợ lãi (theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201900896 ngày 15/05/2019) và 45.229.863 đồng, bao gồm: 40.000.000 đồng nợ gốc, 5.229.863 nợ lãi (theo Hợp đồng tín dụng số

5210LAV201902518 ngày 20/12/2019). Từ ngày 20/02/2021, vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H phải tiếp tục trả tiền lãi trên nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng.

Trường hợp vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

* *Đối với bị đơn vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng. Quá trình xác minh, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin hiện nay vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H không có mặt tại địa phương nên Tòa án tiến hành niêm yết công khai để vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đồng thời phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 20/10/2020, Tòa án xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ủy quyền cho người đại diện tham gia phiên tòa, căn cứ Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc ủy quyền của nguyên đơn. Bị đơn ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn cung cấp hợp đồng tín dụng do các bên ký kết số 5210LAV201900896 ngày 15/05/2019 và số 5210LAV201902518 ngày 20/12/2019. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, bên vay đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số: G146/2017/BĐTV ngày 31/8/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2019; Hợp đồng thế chấp số: H59/2018/HĐTC ngày 23/4/2018 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2019. Các hợp đồng đã được chứng thực tại UBND xã C, huyện M. Các bên giao kết hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Nội dung hợp đồng ghi nhận khi đến kỳ hạn trả nợ hoặc kết thúc thời hạn cho vay, nếu bên vay không có khả năng trả nợ đúng hạn gốc, lãi và không được chấp thuận cho cơ cấu lại nợ gốc, lãi thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn và bên vay phải chịu lãi suất nợ quá hạn. Đã quá thời hạn trả nợ nhưng bên vay không thực hiện đúng với nội dung hợp đồng đã cam kết. Do đó, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự để buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng đối với nguyên đơn.

Đối với khoản tiền mà Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 19/02/2021 là: 655.584.932 đồng, bao gồm: 550.000.000 đồng nợ gốc, 105.584.932 đồng nợ lãi (theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201900896 ngày 15/05/2019) và 45.229.863 đồng, bao gồm: 40.000.000 đồng nợ gốc, 5.229.863 đồng nợ lãi (theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201902518 ngày 20/12/2019). Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền cho vay cũng như tiền lãi phát sinh là phù hợp với nội dung hợp đồng mà hai bên đã cam kết thỏa thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc đơn vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử, ngày 19/02/2021 là: 655.584.932đ + 45.229.863đ = 700.814.825 đồng.

Kể từ ngày 20/02/2021 đến khi trả xong nợ, vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với Ngân hàng về số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thuận trong hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.2] Về tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho các khoản vay trên, vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H ký hợp đồng thế chấp số: G146/2017/BĐTV ngày 31/8/2017; Hợp đồng thế chấp số: H59/2018/HĐTC ngày 23/4/2018 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2019 để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT441305 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/09/2015 cho ông Đặng Văn H và bà Lưu

Thị H với diện tích 630m²; Thửa đất số 42; Tờ bản đồ 56b; Địa chỉ đất tại thôn 6, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U017060 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/03/2002 cho hộ ông Đặng Văn H với diện tích 8.504m²; Thửa đất số 45; 5; 12; 23; Tờ bản đồ 10; Địa chỉ đất tại xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U017078 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 10/03/2002 cho hộ ông Hà Đức Kh và đã được chuyển nhượng cho ông Đặng Văn H và bà Lưu Thị H ngày 29/06/2016, với diện tích 3.085m²; Thửa đất số 8; Tờ bản đồ 11; Địa chỉ đất tại xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA474804 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/12/2011 cho hộ ông Nguyễn Như K và bà Nguyễn Thị Đ và đã được chuyển nhượng cho ông Đặng Văn H và bà Lưu Thị H ngày 31/05/2016, với diện tích 693m²; Thửa đất số 39-C; Tờ bản đồ 43; Địa chỉ đất tại thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Hội đồng xét xử xét thấy việc ký kết hợp đồng thế chấp tài sản giữa các đương sự là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 292, Điều 293, Điều 317, Điều 318 và Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Trường hợp vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H không tự nguyện thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Sau khi vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải lại cho vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Đặng Văn H và bà Lưu Thị H đã thế chấp theo chộp đồng thế chấp số G146/2017/BĐTV ngày 31/8/2017; Hợp đồng thế chấp số: H59/2018/HĐTC ngày 23/4/2018 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2019.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Buộc vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H phải chịu 32.032.593 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (Theo mức $700.814.825 = 20.000.000đ + (4\% \times 300.814.482đ)$).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 85; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 292, Điều 293, Điều 137, Điều 137, Điều 138, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo

đảm và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N: Buộc vợ chồng ông Đặng Văn Huy, bà Lưu Thị H phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/02/2021) là 700.814.825 đồng, bao gồm: 550.000.000 đồng nợ gốc, 105.584.932 đồng nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 5210LAV201900896 ngày 15/05/2019 và 40.000.000 đồng nợ gốc, 5.229.863 đồng nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 5210LAV201902518 ngày 20/12/2019.

Kể từ ngày 20/02/2021 đến khi trả xong nợ, vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với Ngân hàng về số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải lại cho ông Đặng Văn H và bà Lưu Thị H các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H đã thế chấp theo chọp đồng thế chấp số G146/2017/BĐTV ngày 31/8/2017; Hợp đồng thế chấp số: H59/2018/HĐTC ngày 23/4/2018 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2019.

Trường hợp vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo chọp đồng thế chấp số G146/2017/BĐTV ngày 31/8/2017; Hợp đồng thế chấp số: H59/2018/HĐTC ngày 23/4/2018 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2019 để thu hồi nợ.

3. Về án phí:

- Bị đơn vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lưu Thị H phải chịu 32.032.593 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng N 15.370.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2019/0014493 ngày 09/11/2020.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

